

Số: /BC-UBND

Hà Bắc, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Rà soát, đánh giá thực trạng và đề xuất phương án phát triển mạng lưới nhà trẻ, nhóm trẻ (trẻ từ 03 tháng tuổi đến 03 tuổi) trên địa bàn xã Hà Bắc đến năm 2030

Thực hiện Công văn số: 2983/SGDĐT-GDMN&GDTH ngày 19/5/2026 của Sở giáo dục và đào tạo về việc rà soát, đánh giá thực trạng và đề xuất phương án phát triển mạng lưới nhà trẻ, nhóm trẻ dành cho trẻ từ 03 tháng tuổi đến 03 tuổi, UBND xã Hà Bắc báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Đặc điểm địa bàn

Xã Hà Bắc là địa phương có quy mô dân cư tương đối lớn, nhu cầu gửi trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ngày càng tăng, đặc biệt tại các khu vực tập trung đông dân cư và lao động làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn và khu vực lân cận. Những năm gần đây, cùng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu gửi trẻ từ 03 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi của nhân dân ngày càng cao, nhất là nhu cầu gửi trẻ sớm để phụ huynh yên tâm lao động, sản xuất.

Hiện nay trên địa bàn xã có hệ thống trường mầm non công lập và các cơ sở giáo dục mầm non độc lập tham gia chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhà trẻ. Tuy nhiên, áp lực về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và điều kiện tổ chức chăm sóc trẻ dưới 24 tháng tuổi, đặc biệt trẻ dưới 12 tháng tuổi còn nhiều khó khăn.

2. Quy mô trường lớp

Toàn xã hiện có 08 cơ sở giáo dục mầm non có tổ chức chăm sóc trẻ nhà trẻ, gồm 04 trường mầm non công lập và 04 cơ sở giáo dục mầm non độc lập ngoài công lập.

Tổng số nhóm trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn là 20 nhóm trẻ, trong đó:

Các trường công lập có 15 nhóm trẻ;

Các cơ sở giáo dục mầm non độc lập có 05 nhóm trẻ.

Hiện nay phần lớn các nhóm trẻ tập trung ở độ tuổi từ 25-36 tháng tuổi; số nhóm nhận trẻ dưới 12 tháng tuổi còn rất ít do yêu cầu cao về cơ sở vật chất, thiết bị và đội ngũ chăm sóc.

3. Trẻ em

Tổng số trẻ nhà trẻ đang được huy động ra lớp tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn là 464 trẻ, trong đó:

Các trường mầm non công lập: 366 trẻ;

Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập: 98 trẻ.

Trong cơ cấu độ tuổi:

Trẻ từ 03-12 tháng tuổi được huy động còn rất thấp;

Trẻ từ 13-24 tháng tuổi tăng dần;

Trẻ từ 25-36 tháng tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất.

Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp giữa các địa phương còn chênh lệch. Một số địa phương có tỷ lệ huy động còn thấp đối với trẻ nhỏ dưới 24 tháng tuổi do điều kiện chăm sóc đặc thù, tâm lý phụ huynh và hạn chế về cơ sở vật chất, giáo viên.

Ngoài trẻ trên địa bàn, các cơ sở giáo dục mầm non còn tiếp nhận một số trẻ từ địa phương khác đến học, đặc biệt là con công nhân, người lao động làm việc tại khu vực lân cận.

II. THỰC TRẠNG ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HUY ĐỘNG TRẺ NHÀ TRẺ ĐẾN TRƯỜNG

1. Phòng học

Hiện nay, các trường mầm non công lập và cơ sở giáo dục mầm non độc lập cơ bản bố trí đủ phòng học phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhà trẻ. Tổng số phòng học dành cho trẻ nhà trẻ tại các trường công lập là 27 phòng; tại các cơ sở giáo dục mầm non độc lập là 07 phòng.

Một số đơn vị tuy chưa thiếu phòng học theo số lượng hiện tại nhưng diện tích, công năng sử dụng và điều kiện tổ chức chăm sóc trẻ nhỏ, đặc biệt trẻ dưới 12 tháng tuổi còn hạn chế. Nhiều phòng học chưa được thiết kế chuyên biệt cho độ tuổi nhà trẻ; khu vệ sinh, khu chăm sóc, thiết bị hỗ trợ giấc ngủ, vệ sinh cá nhân cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ chưa thực sự đồng bộ.

Hiện nay số cơ sở đủ điều kiện tiếp nhận trẻ dưới 12 tháng tuổi còn ít; chủ yếu tập trung tại một số nhóm trẻ ngoài công lập có quy mô nhỏ.

2. Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu

Các cơ sở giáo dục mầm non cơ bản được trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo danh mục quy định. Tuy nhiên, đa số các đơn vị mới đáp ứng đủ về chủng loại, chưa đảm bảo đầy đủ số lượng theo yêu cầu trên trẻ.

Tại các trường công lập:

100% nhóm lớp có đủ danh mục thiết bị tối thiểu;

Tuy nhiên số lượng thiết bị chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định.

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập:

Nhiều nhóm trẻ còn thiếu đồ dùng, đồ chơi phục vụ chăm sóc trẻ nhỏ;

Một số nhóm trẻ thiếu nhiều thiết bị dành cho trẻ dưới 24 tháng tuổi.

Khó khăn lớn nhất hiện nay là kinh phí đầu tư thiết bị cho trẻ nhỏ tương đối cao; nhiều thiết bị chuyên dụng cho trẻ dưới 12 tháng tuổi khó mua sắm đồng bộ.

3. Đội ngũ

Tổng số giáo viên dạy nhóm trẻ hiện có tại các cơ sở giáo dục mầm non là 42 giáo viên, trong đó:

Các trường mầm non công lập: 32 giáo viên;

Các cơ sở giáo dục mầm non độc lập: 10 giáo viên.

Phần lớn giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định; một số giáo viên có trình độ trên chuẩn. Tuy nhiên tại các cơ sở ngoài công lập vẫn còn giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo.

Hiện nay vẫn còn tình trạng thiếu giáo viên tại một số đơn vị, đặc biệt tại Trường Mầm non Tân Việt và một số nhóm trẻ ngoài công lập. Việc tuyển dụng giáo viên mầm non gặp nhiều khó khăn do áp lực công việc lớn, thu nhập thấp, đặc biệt đối với giáo viên trực tiếp chăm sóc trẻ nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

Khó khăn lớn nhất của giáo viên nhà trẻ là:

Áp lực chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ cao, công việc đặc thù vất vả, yêu cầu về an toàn, chăm sóc sức khỏe trẻ nghiêm ngặt, phụ huynh có nhu cầu gửi trẻ sớm, đón muộn ngoài giờ hành chính.

4. Quỹ đất phát triển giáo dục mầm non

Quỹ đất dành cho giáo dục mầm non tại một số khu vực còn hạn chế, khó khăn trong việc mở rộng trường lớp. Một số trường công lập hiện có diện tích sử dụng cơ bản đáp ứng nhu cầu trước mắt nhưng chưa có nhiều dư địa để mở rộng quy mô lâu dài.

Việc bố trí quỹ đất để phát triển thêm cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt tại khu vực đông dân cư, cần được quan tâm trong giai đoạn tới nhằm đáp ứng nhu cầu gửi trẻ ngày càng tăng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐIỀU KIỆN ĐÁP ỨNG HUY ĐỘNG TRẺ NHÀ TRẺ RA LỚP

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, công tác giáo dục mầm non trên địa bàn xã tiếp tục được quan tâm đầu tư. Hệ thống trường lớp cơ bản được duy trì ổn định; các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập bước đầu góp phần giảm áp lực huy động trẻ nhà trẻ ra lớp.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có tinh thần trách nhiệm, tích cực thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

2. Khó khăn

a) Về cơ sở vật chất

Một số phòng học chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chăm sóc trẻ nhỏ dưới 24 tháng tuổi; trang thiết bị còn thiếu về số lượng; cơ sở vật chất xuống cấp tại một số điểm trường.

b) Về đội ngũ

Thiếu giáo viên nhà trẻ cục bộ tại một số đơn vị; khó tuyển dụng giáo viên do áp lực công việc cao. Một số giáo viên ngoài công lập chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo.

c) Về quỹ đất

Quỹ đất mở rộng trường học còn hạn chế; việc đầu tư xây mới phòng học cần nguồn kinh phí lớn.

d) Về nguồn lực đầu tư

Nguồn kinh phí đầu tư cho giáo dục mầm non còn khó khăn; việc xã hội hóa chưa thực sự mạnh.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Số trẻ trong độ tuổi nhà trẻ có xu hướng tăng; nhu cầu gửi trẻ ngày càng cao, một số năm có tỷ lệ sinh tăng đột biến, nhu cầu gửi trẻ của con công nhân, người lao động tăng nhanh.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác quy hoạch mở rộng trường lớp còn khó khăn; thiếu nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Việc tuyển dụng giáo viên chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Một số cơ sở vật chất chưa đảm bảo điều kiện chăm sóc trẻ dưới 12 tháng tuổi.

IV. DỰ BÁO QUY MÔ NHÓM TRẺ, TRẺ NHÀ TRẺ ĐẾN NĂM 2030

Theo dự báo đến năm 2030, nhu cầu gửi trẻ nhà trẻ trên địa bàn xã tiếp tục tăng.

Dự kiến:

Năm 2027 toàn xã có khoảng 15 nhóm trẻ với 480 trẻ;

Năm 2028 khoảng 17 nhóm trẻ với trên 540 trẻ;

Năm 2029 khoảng 17 nhóm trẻ với trên 580 trẻ;

Năm 2030 khoảng 17 nhóm trẻ với khoảng 604 trẻ.

Trong đó, nhu cầu gửi trẻ của con công nhân, người lao động và trẻ ngoài địa bàn tiếp tục tăng.

Một số đơn vị dự kiến thiếu giáo viên và phòng học nếu không được đầu tư bổ sung kịp thời, đặc biệt tại Trường Mầm non Tân Việt.

V. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục rà soát quy hoạch mạng lưới trường lớp; ưu tiên đầu tư mở rộng phòng học dành cho trẻ nhà trẻ tại các trường công lập có nhu cầu cao.

Quan tâm bố trí quỹ đất phát triển giáo dục mầm non tại các khu dân cư mới; khuyến khích xã hội hóa phát triển cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

2. Về đội ngũ

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; hỗ trợ giáo viên học nâng chuẩn.

3. Về trang thiết bị

Tăng cường đầu tư mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu, đặc biệt thiết bị dành cho trẻ dưới 24 tháng tuổi.

4. Về cơ chế chính sách

Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ trẻ em, con công nhân, người lao động. Khuyến khích xã hội hóa giáo dục mầm non; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập đủ điều kiện hoạt động.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với thành phố

Quan tâm bổ sung biên chế giáo viên mầm non; hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng phòng học, mua sắm thiết bị phục vụ chăm sóc trẻ nhà trẻ.

2. Đối với các sở, ngành

Hướng dẫn cơ chế đầu tư, xã hội hóa giáo dục mầm non; phối hợp bố trí quỹ đất phát triển trường lớp.

3. Đối với Trung ương

Đề nghị tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù đối với giáo dục mầm non, đặc biệt chính sách phát triển mạng lưới nhà trẻ dành cho trẻ từ 03 tháng tuổi đến 03 tuổi.

Trên đây là báo cáo Rà soát, đánh giá thực trạng và đề xuất phương án phát triển mạng lưới nhà trẻ, nhóm trẻ (trẻ từ 03 tháng tuổi đến 03 tuổi) trên địa bàn xã Hà Bắc đến năm 2030.

Nơi nhận:

- Sở giáo dục và đào tạo (để BC);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Lưu VP, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Tiến